

UNIT 1: CÂU HỎI WHERE, WHEN

I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHERE (CÂU HỎI VỀ ĐỊA ĐIỂM)

1. Các hình thức của câu hỏi Where

- Where + is/are + S
- Where + do/does/did/has/have/will + S + V
- Where + can/could/should/may/might/must + S + V
- Do you know/hear/remember/think + where...

2. Các phương án đúng có thể là

- At/in/on/from/to...(giới từ chỉ nơi chốn) + danh từ chỉ nơi chốn, địa điểm (Cụm giới từ chỉ nơi chốn, địa điểm)
- It hasn't been decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Let me ask sb: để tôi hỏi ai đó
- Check sth: hãy kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi không chắc chắn
- I don't know (yet)/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai. Chúng chỉ có thể đúng với câu hỏi bắt đầu bằng trợ động từ "Do".
- Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.
- Các câu trả lời gây nhiễu bằng các cụm At/in/on/from/to + từ chỉ thời gian.

II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (01.mp3)

Where is the manual for the photocopier? (A) Haven't they left yet? (B) Yes, it's working. (C) It should be in that file cabinet.	Sổ hướng dẫn của máy in ở đâu? (A) Họ đã đi rồi đi chưa? (B) Đúng vậy, nó đang hoạt động. (C) Có lẽ nó ở trong tủ hồ sơ kia kìa.
--	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

b. Câu hỏi 02 (02.mp3)

Where is the dental clinic's main office? (A) It's near Olive Street. (B) About twice a year. (C) For an appointment.	Văn phòng chính của phòng khám nha khoa ở đâu? (A) Nó gần Phố Olive. (B) Khoảng 2 lần một năm. (C) Vì một cuộc hẹn.
---	---

c. Câu hỏi 03 (03.mp3)

Where will the banquet take place? (A) Please make a donation. (B) The Washington Ballroom. (C) In the evening, at 8:00.	Bữa đại tiệc sẽ diễn ra ở đâu? (A) Vui lòng quyên góp. (B) Phòng khiêu vũ Washington. (C) Vào buổi tối, lúc 8 giờ.
--	--

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (04.mp3)

Where do we keep office supplies? (A) In that cabinet. (B) He didn't apply. (C) No, you keep it.	Chúng ta lưu trữ đồ dùng văn phòng ở đâu? (A) Trong tủ kia kia. (B) Anh ấy không ứng tuyển. (C) Không, bạn giữ nó.
--	--

b. Câu hỏi 05 (05.mp3)

Where is the supermarket? (A) Every night until nine. (B) About three or four dollars. (C) Down the street from my office.	Siêu thị ở đâu vậy? (A) Mỗi tối cho đến 9 giờ. (B) Khoảng 3 hoặc 4 đô-la. (C) Dọc theo con phố từ văn phòng của tôi.
--	--

c. Câu hỏi 06 (06.mp3)

Where can I make a copy? (A) The machine is broken. (B) A dollar per cup. (C) Sorry, I can't.	Tôi có thể in bản sao ở đâu? (A) Máy đã bị hư rồi. (B) Một cốc có giá 1 đô la. (C) Xin lỗi, tôi không thể.
---	--

d. Câu hỏi 07 (07.mp3)

Where can I get a pencil? (A) From the supply cabinet. (B) It's in ink.	Tôi có thể lấy bút chì ở đâu? (A) Từ tủ đồ dùng. (B) Nó bằng bút mực.
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(C) Twenty-five cents each.	(C) Mỗi cái có giá 25 cent.
-----------------------------	-----------------------------

e. Câu hỏi 08 (08.mp3)

Where does Mrs. Robertson live now? (A) Near the park. (B) Right now, please. (C) Next year.	Hiện giờ bà Robertson đang sống ở đâu? (A) Gần công viên. (B) Ngay lúc này, làm ơn. (C) Năm sau.
--	--

f. Câu hỏi 09 (09.mp3)

Do you know where Mr. Tang is having the meeting? (A) In the conference room by the lobby. (B) Yes, to discuss the new budget. (C) Oh, for about two hours.	Bạn có biết ông Tang đang có cuộc họp ở đâu không? (A) Ở phòng hội nghị bên cạnh tiền sảnh. (B) Đúng vậy, để thảo luận về ngân sách mới. (C) Ồ, trong khoảng 2 tiếng.
---	---

g. Câu hỏi 10 (10.mp3)

Where is next year's basketball tournament being held? (A) We're taking a tour. (B) At the new stadium. (C) It's in the basket.	Giải đấu bóng rổ năm sau sẽ được tổ chức ở đâu? (A) Chúng tôi sẽ đi tham quan. (B) Tại sân vận động mới. (C) Nó ở trong cái giỏ.
---	--

III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHEN (CÂU HỎI VỀ THỜI GIAN)

1. Các hình thức của câu hỏi When

- When + is/are + S + giới từ/tính từ
- When + is/are + S + V-ing/V-ed
- When + do/does/did/has/have/will + S + V
- When + can/could/should/may/might/must + S + V
- Do you know/hear/remember/think + when...

2. Các phương án đúng có thể là

- In + lượng thời gian = trong bao lâu nữa (chỉ thời điểm ở tương lai)
- At + giờ cụ thể = vào lúc mấy giờ
- On + Thứ trong tuần/ngày trong tháng = vào ngày nào đó
- Before/After/Around + mốc thời gian = Trước/Sau/Khoảng thời điểm nào đó
- Next/Last + danh từ chỉ thời gian = vào thời điểm nào đó vào lần trước hoặc sắp đến.
- Within + khoảng thời gian = Trong vòng, trong phạm vi khoảng thời gian đó
- As soon as possible: sớm nhất có thể

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

- As soon as + S + V: ngay khi việc gì diễn ra
- Phương án có các trạng từ chỉ thời gian phù hợp về thì (quá khứ/hiện tại/tương lai) tương ứng với câu hỏi
- It hasn't been decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: hãy kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi không chắc chắn
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các phương án trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai. Chúng chỉ có thể đúng với câu hỏi bắt đầu bằng trợ động từ "Do".
- Các phương án trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.
- Các phương án trả lời gây nhiễu bằng các cụm At/in/on + từ chỉ địa điểm
- Các phương án trả lời gây nhiễu bằng các cụm Around/Next/Last + danh từ chỉ vật. Lúc này các cụm này có nghĩa là "xung quanh cái gì", "cái gì tiếp theo", "cái gì trước đó".
- Phương án trả lời gồm giới từ For + khoảng thời gian = suốt khoảng thời gian đó → Chỉ một hành động xảy ra và kéo dài từ lúc bắt đầu đến cuối khoảng thời gian này. Do đó, nó không thể trả lời cho câu hỏi "when" vì "when" là hỏi thời điểm, mốc thời gian xảy ra sự việc.
- Phương án trả lời gồm cụm giới từ chỉ thời điểm nhưng không đúng về thì:
 - *In + lượng thời gian = trong bao lâu nữa (chỉ thời điểm ở tương lai) → không thể trả lời cho câu hỏi When + động từ được chia ở các thì quá khứ.
 - *Next + danh từ chỉ thời gian = vào thời điểm nào đó sắp tới (chỉ thời điểm ở tương lai) → không thể trả lời cho câu hỏi When + động từ được chia ở các thì quá khứ.
 - *Last + danh từ chỉ thời gian = vào thời điểm nào đó trước đây (chỉ thời điểm ở quá khứ) → Không thể trả lời cho câu hỏi When + động từ được chia ở các thì hiện tại hoặc tương lai.

IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (11.mp3)

When should this application be submitted by? (A) Every few hours. (B) Tonight, I think. (C) Please fill out this form.	Đơn xin này nên được nộp trễ nhất là lúc nào? (A) Mỗi một vài tiếng. (B) Tối nay, tôi nghĩ vậy. (C) Vui lòng hoàn thành mẫu đơn này.
---	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

b. Câu hỏi 02 (12.mp3)

When will the company release its annual report? (A) Later this week. (B) We didn't export them. (C) I didn't write them.	Khi nào thì công ty sẽ công bố bản báo cáo thường niên của họ? (A) Cuối tuần này. (B) Chúng tôi đã không xuất khẩu chúng. (C) Tôi đã không viết chúng.
---	--

c. Câu hỏi 03 (13.mp3)

When did Ms. Iverson leave the company? (A) For health reasons. (B) A few months ago. (C) No, I'm staying.	Cô Iverson đã rời khỏi công ty lúc nào vậy? (A) Vì lí do sức khỏe. (B) Vài tháng trước. (C) Không, tôi đang ở đây.
--	--

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (14.mp3)

When is the final report due? (A) Yes, it's being repaired. (B) He reports to the manager. (C) Next Friday at nine.	Khi nào thì bản báo cáo cuối cùng đến hạn? (A) Vâng, nó đang được sửa chữa. (B) Anh ấy báo cáo cho người quản lí. (C) Thứ Sáu tuần sau lúc 9 giờ.
---	---

b. Câu hỏi 05 (15.mp3)

When will the plant begin production? (A) In less than six months. (B) We'll plant them on the weekend. (C) At the new factory.	Khi nào thì nhà máy bắt đầu sản xuất? (A) Trong ít hơn 6 tháng nữa. (B) Chúng tôi sẽ trồng chúng vào cuối tuần. (C) Tại một nhà máy mới.
---	--

c. Câu hỏi 06 (16.mp3)

When were those reports written? (A) Before lunch yesterday. (B) I taped the speech. (C) Her report is too long.	Những bản báo cáo đó đã được viết vào lúc nào? (A) Trước giờ ăn trưa hôm qua. (B) Tôi đã thu băng lại bài diễn văn. (C) Báo cáo của cô ấy quá dài.
--	--

d. Câu hỏi 07 (17.mp3)

When are the conference proposals due? (A) On January twenty-seventh. (B) For three days.	Khi nào thì các đề xuất hội nghị đến hạn? (A) Ngày 27 tháng 1. (B) Trong 3 ngày.
--	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(C) He'll do it.	(C) Anh ấy sẽ làm.
------------------	--------------------

e. Câu hỏi 08 (18.mp3)

When is the inspector supposed to arrive? (A) At the airport. (B) Around ten. (C) It's once a month.	Khi nào thì thanh tra viên sẽ đến? (A) Tại sân bay. (B) Khoảng 10 giờ. (C) Mỗi tháng 1 lần.
--	---

f. Câu hỏi 09 (19.mp3)

When was the apartment sold? (A) In early April. (B) The real estate agent. (C) At Hartford Towers.	Căn hộ đã được bán lúc nào vậy? (A) Hồi đầu tháng Tư. (B) Nhân viên bất động sản. (C) Tại Tháp Hartford.
---	--

g. Câu hỏi 10 (20.mp3)

When will the new smartphone be released? (A) Sometime next month. (B) At most electronics stores. (C) It has a lot of features.	Khi nào thì điện thoại thông minh mới sẽ ra mắt? (A) Vào lúc nào đó trong tháng tới. (B) Tại hầu hết cửa hàng điện tử. (C) Nó có nhiều tính năng.
--	---

V. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm where, when

1	(A)	(B)	(C)	(D)
2	(A)	(B)	(C)	(D)
3	(A)	(B)	(C)	(D)
4	(A)	(B)	(C)	(D)
5	(A)	(B)	(C)	(D)
6	(A)	(B)	(C)	(D)
7	(A)	(B)	(C)	(D)
8	(A)	(B)	(C)	(D)
9	(A)	(B)	(C)	(D)
10	(A)	(B)	(C)	(D)

11	(A)	(B)	(C)	(D)
12	(A)	(B)	(C)	(D)
13	(A)	(B)	(C)	(D)
14	(A)	(B)	(C)	(D)
15	(A)	(B)	(C)	(D)
16	(A)	(B)	(C)	(D)
17	(A)	(B)	(C)	(D)
18	(A)	(B)	(C)	(D)
19	(A)	(B)	(C)	(D)
20	(A)	(B)	(C)	(D)

21	(A)	(B)	(C)	(D)
22	(A)	(B)	(C)	(D)
23	(A)	(B)	(C)	(D)
24	(A)	(B)	(C)	(D)
25	(A)	(B)	(C)	(D)
26	(A)	(B)	(C)	(D)
27	(A)	(B)	(C)	(D)
28	(A)	(B)	(C)	(D)
29	(A)	(B)	(C)	(D)
30	(A)	(B)	(C)	(D)

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

VI. LỜI THOẠI & DỊCH BÀI TẬP VỀ NHÀ

01. Do you know when the next payment is due? (A) The same amount as the last one. (B) On June fifteenth. (C) It's four hundred dollars.	01. Bạn có biết khi nào thì đến hạn thanh toán tiếp theo không? (A) Một khoản giống với khoản trước. (B) Ngày 15 tháng 6. (C) 400 đô la.
02. When will Joseph be returning from his vacation? (A) Sometime next week. (B) To Paris. (C) It starts at eleven.	02. Khi nào Joseph sẽ trở về từ kì nghỉ của anh ấy? (A) Đâu đó vào tuần sau. (B) Đến Paris. (C) Nó bắt đầu lúc 11 giờ.
03. Where'd you hear the news? (A) On television. (B) It was new. (C) On the right.	03. Bạn đã nghe tin tức đó ở đâu? (A) Trên ti-vi (B) Nó mới. (C) Ở phía bên phải.
04. Where did you put the factory samples I brought yesterday? (A) They're on my desk. (B) It's a fact. (C) They're too bright.	04. Bạn đã để mẫu nhà máy mà tôi mang đến ở đâu rồi? (A) Chúng ở trên bàn của tôi. (B) Đó là sự thật. (C) Chúng quá sáng màu.
05. When is the race supposed to start? (A) The ticket cost ten dollars. (B) In ten minutes. (C) We've just run out.	05. Khi nào thì cuộc đua bắt đầu? (A) Vé có giá 10 đô la. (B) Trong 10 phút nữa. (C) Chúng tôi vừa hết sạch.
06. Where's the nearest public phone? (A) Thirty-five cents a minutes. (B) There's one across the street. (C) Please call again later.	06. Điện thoại công cộng gần nhất ở đâu vậy? (A) 35 cent một phút. (B) Có một cái ở bên kia đường. (C) Vui lòng gọi lại sau.
07. When does the grocery store close? (A) He bought fruit. (B) Close the door, please. (C) Soon, I think.	07. Khi nào thì cửa hàng bách hoá đóng cửa? (A) Anh ấy đã mua trái cây. (B) Vui lòng đóng cửa lại. (C) Sớm thôi, tôi nghĩ vậy.

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

<p>08. Where can I pay for this sweater?</p> <p>(A) Yes, it's rather cold outside. (B) There's a cash register right over there. (C) You can have it back on Monday.</p>	<p>08. Tôi có thể thanh toán cái áo len này ở đâu?</p> <p>(A) Đúng vậy, ở bên ngoài trời khá lạnh. (B) Có một máy tính tiền ở ngay đằng kia. (C) Bạn có thể đến lấy lại nó vào thứ Hai.</p>
<p>09. When can I get the results of my physical?</p> <p>(A) Twenty dollars, I think. (B) Within a week. (C) Yes, you can.</p>	<p>09. Khi nào thì tôi có thể lấy kết quả khám sức khỏe của mình?</p> <p>(A) 20 đô la, tôi nghĩ vậy. (B) Trong vòng 1 tuần. (C) Đúng vậy, bạn có thể.</p>
<p>10. Do you know where I can get a cup of coffee?</p> <p>(A) A nice-looking couple. (B) Yes, thanks. I'd love some. (C) At the café on the corner.</p>	<p>10. Bạn có biết là tôi có thể lấy một cốc cà phê ở đâu không?</p> <p>(A) Một cặp đôi ưa nhìn. (B) Vâng, cảm ơn bạn. Tôi cũng muốn một ít. (C) Ở tiệm cà phê ở góc đường.</p>
<p>11. Where's the shoe department?</p> <p>(A) On the second floor. (B) Twenty-five dollars. (C) At eleven thirty.</p>	<p>11. Bộ phận giày dép ở đâu?</p> <p>(A) Ở tầng 2. (B) 25 đô la. (C) Lúc 11 giờ 30.</p>
<p>12. When is your report due?</p> <p>(A) I'll have another. (B) Sixteen pages. (C) Next Thursday.</p>	<p>12. Khi nào thì báo cáo của bạn đến hạn nộp?</p> <p>(A) Tôi sẽ có cái khác. (B) 16 trang. (C) Thứ Năm tuần sau.</p>
<p>13. Where will the interview take place?</p> <p>(A) It hasn't been decided. (B) Some résumés. (C) Yes, that must be it.</p>	<p>13. Buổi phỏng vấn sẽ diễn ra ở đâu?</p> <p>(A) Việc đó chưa được quyết định. (B) Một vài bản lí lịch. (C) Phải, chính là nó.</p>
<p>14. When will the article be published?</p> <p>(A) On the Web site. (B) For a few months. (C) After it's been edited.</p>	<p>14. Khi nào thì bài báo sẽ được xuất bản?</p> <p>(A) Trên trang web. (B) Suốt vài tháng. (C) Sau khi nó được biên tập.</p>

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

<p>15. When will the editorial assistant start work?</p> <p>(A) All of them. (B) Sometime in April. (C) There were some errors.</p>	<p>15. Khi nào thì trợ lý biên tập bắt đầu công việc?</p> <p>(A) Tất cả họ. (B) Đầu đó trong tháng Tư. (C) Đã có một vài lỗi.</p>
<p>16. Where is the light switch for this room?</p> <p>(A) Thanks, but it isn't heavy. (B) I'd prefer not to switch. (C) It's next to the door.</p>	<p>16. Công tắc đèn của phòng này nằm ở đâu vậy?</p> <p>(A) Cảm ơn bạn, nhưng nó không nặng. (B) Tôi không thích đổi chỗ. (C) Nó ở bên cạnh cửa ra vào.</p>
<p>17. When are you moving into your new apartment?</p> <p>(A) A few miles from town. (B) In the marketing department. (C) As soon as I sign the lease.</p>	<p>17. Khi nào thì bạn chuyển đến căn hộ mới của bạn?</p> <p>(A) Cách thị trấn vài dặm. (B) Trong bộ phận tiếp thị. (C) Ngay khi tôi kí hợp đồng thuê.</p>
<p>18. Where's the hotel being built?</p> <p>(A) In about a year or so. (B) The clients have sent the documents. (C) Directly across from the old one.</p>	<p>18. Khách sạn đang xây ở đâu?</p> <p>(A) Trong khoảng 1 năm. (B) Những khách hàng đã gửi tài liệu. (C) Ngay phía đối diện của khách sạn cũ.</p>
<p>19. Where did Constance work last year?</p> <p>(A) For a few years. (B) Not at all. (C) At a bookstore.</p>	<p>19. Năm ngoái Constance đã làm việc ở đâu?</p> <p>(A) Trong một vài năm. (B) Không có gì. (C) Tại một hiệu sách.</p>
<p>20. When's the next flight to Denver?</p> <p>(A) It leaves thirty minutes from now. (B) No, we make a stop in Phoenix first. (C) A few more passengers.</p>	<p>20. Chuyến bay tiếp theo đến Denver là khi nào?</p> <p>(A) Nó sẽ cất cánh sau 30 phút nữa. (B) Không, trước tiên chúng tôi sẽ dừng tại Phoenix. (C) Thêm một vài hành khách.</p>
<p>21. When will the doctor be available?</p> <p>(A) Herbertson medical school. (B) She's free tomorrow morning. (C) No thanks, I already have one.</p>	<p>21. Khi nào thì bác sĩ có thời gian rảnh?</p> <p>(A) Trường y dược Herbertson. (B) Bà ấy sẽ rảnh vào sáng mai. (C) Không, cảm ơn bạn, tôi đã có một cái.</p>

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

<p>22. Where did you file the invoices?</p> <p>(A) In the folder labeled “Expenses.” (B) To our contractor in Melbourne. (C) They’d like to order more.</p>	<p>22. Bạn đã cất giữ những hoá đơn ở đâu?</p> <p>(A) Trong một tệp tin có tên “Chi Tiêu”. (B) Đến nhà thầu của chúng ta ở Melbourne. (C) Họ muốn đặt hàng thêm.</p>
<p>23. Where will the conference be held?</p> <p>(A) By tomorrow. (B) For a week. (C) In the main building.</p>	<p>23. Hội nghị sẽ diễn ra ở đâu?</p> <p>(A) Trước ngày mai. (B) Trong 1 tuần. (C) Ở toà nhà chính.</p>
<p>24. Where did you buy those shoes?</p> <p>(A) Because they’re so comfortable. (B) It’s difficult to choose. (C) I got them in London.</p>	<p>24. Bạn đã mua những đôi giày đó ở đâu vậy?</p> <p>(A) Vì chúng rất thoải mái. (B) Thật khó để lựa chọn. (C) Tôi mua chúng ở Luân Đôn.</p>
<p>25. When does this ticket expire?</p> <p>(A) The ticket window. (B) Any airline agent can. (C) At the end of the year.</p>	<p>25. Khi nào tấm vé này hết hạn?</p> <p>(A) Vé ngồi gần cửa sổ. (B) Bất kì đại lí máy bay nào cũng có thể. (C) Vào cuối năm nay.</p>
<p>26. When are you supposed to give your presentation?</p> <p>(A) Yes, I bought some small gifts. (B) To Ms. Ito, in personnel. (C) At the next marketing meeting.</p>	<p>26. Khi nào thì bạn sẽ có bài thuyết trình?</p> <p>(A) Đúng vậy, tôi đã mua một vài món quà nhỏ nhỏ. (B) Đến cô Ito, ở bộ phận nhân sự. (C) Tại buổi họp tiếp thị lần tới.</p>
<p>27. Where should I leave this report?</p> <p>(A) On my desk. (B) The news reporter. (C) At three-thirty.</p>	<p>27. Tôi nên để báo cáo này ở đâu đây?</p> <p>(A) Trên bàn của tôi. (B) Phóng viên tin tức. (C) Lúc 3 giờ 30.</p>
<p>28. When will the marketing team meet?</p> <p>(A) Yes, at the market. (B) Nice to meet you. (C) Right after lunch.</p>	<p>28. Khi nào thì đội tiếp thị họp mặt?</p> <p>(A) Đúng vậy, tại chợ. (B) Rất vui được gặp bạn. (C) Ngay sau giờ ăn trưa.</p>

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

<p>29. When will you get back from your trip?</p> <p>(A) On Friday night. (B) In the back row. (C) Britain and France.</p>	<p>29. Khi nào thì bạn sẽ trở về từ chuyến đi của bạn?</p> <p>(A) Vào tối thứ Sáu. (B) Ở hàng phía sau. (C) Anh và Pháp.</p>
<p>30. Where is the press conference going to be held?</p> <p>(A) Mainly journalists. (B) Downstairs in the lobby. (C) There aren't enough copies.</p>	<p>30. Cuộc họp báo sẽ được tổ chức ở đâu?</p> <p>(A) Chủ yếu là các nhà báo. (B) Ở sảnh phía dưới lầu. (C) Không có đủ bản sao.</p>

UNIT 2: CÂU HỎI WHO, WHAT

I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHO (CÂU HỎI VỀ NGƯỜI)

1. Các hình thức của câu hỏi Who

- Who + is/are + S + giới từ/tính từ
- When + is/are + S + V-ing/V-ed
- When + do/does/did/has/have/will + S + V
- When + can/could/should/may/might/must + S + V
- Do/did you know/hear/remember/think + who...

2. Các phương án đúng có thể là

- Các phương án chứa đại từ chỉ người, tên người, tên chức vụ, bộ phận văn phòng.
- It hasn't been decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: hãy kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi không chắc chắn đâu
- I don't know (yet)/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các phương án trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai. Chúng chỉ đúng với câu hỏi bắt đầu bằng trợ động từ "Do".
- Các phương án trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.
- Các phương án trả lời gồm giới từ + danh từ chỉ nơi chốn/thời gian đều là phương án sai vì những phương án như vậy chỉ trả lời cho câu hỏi Where/When, không thể trả lời cho câu hỏi Who.
- Các phương án trả lời gây nhiễu có chứa đại từ chỉ người, tên người, tên chức vụ, bộ phận văn phòng nhưng hành động thì không đúng với câu hỏi (hỏi làm việc này mà trả lời làm việc khác) hoặc không đúng về thì so với câu hỏi.

II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (21.mp3)

Who's going to repair the computer system? (A) There are going to be two pairs. (B) A technician will fix it tomorrow. (C) No, I don't know how.	Ai sẽ sửa chữa hệ thống máy tính? (A) Sắp có 2 cặp. (B) Một kỹ thuật viên sẽ sửa nó vào ngày mai.
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

	(C) Không, tôi không biết làm cách nào cả.
--	--

b. Câu hỏi 02 (22.mp3)

Who was on the telephone? (A) It's disconnected. (B) This morning at 10. (C) Some salesperson.	Ai đã nói chuyện điện thoại vậy? (A) Nó đã bị ngắt kết nối. (B) Sáng nay lúc 10 giờ. (C) Một nhân viên bán hàng nào đó.
--	---

c. Câu hỏi 03 (23.mp3)

Who translated this news article? (A) From a finance magazine. (B) Yes, it's a new article. (C) Kathy did that.	Ai đã biên dịch bài viết tin tức này? (A) Từ một tạp chí tài chính. (B) Đúng vậy, nó là một bài viết mới. (C) Kathy đã làm việc đó.
---	---

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (24.mp3)

Who should I tell if I need to leave early? (A) Let your supervisor know. (B) For a dentist appointment. (C) About two o'clock.	Tôi nên nói với ai nếu như tôi muốn rời đi sớm? (A) Báo cho người giám sát của bạn biết. (B) Vì một cuộc hẹn gặp nha sĩ. (C) Khoảng 2 giờ.
---	--

b. Câu hỏi 05 (25.mp3)

Who will be the lead engineer for the project? (A) The engine needs repairs. (B) Dr. Ramirez, I believe. (C) Near the station.	Ai sẽ là kỹ sư trưởng cho dự án? (A) Động cơ cần được sửa chữa. (B) Tiến sĩ Ramirez, tôi tin là vậy. (C) Gần nhà ga.
--	--

c. Câu hỏi 06 (26.mp3)

Who's going to take the director to the airport? (A) Tomorrow morning. (B) Her secretary will. (C) Follow the map.	Ai sẽ đưa giám đốc đến sân bay? (A) Sáng ngày mai. (B) Thư ký của bà ấy sẽ làm. (C) Đi theo bản đồ.
--	---

d. Câu hỏi 07 (27.mp3)

Who is going to take charge when Mr.	Ai sẽ điều hành khi ông Giovanni rời khỏi?
--------------------------------------	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

Giovani leaves? (A) Yes, he certainly is. (B) I'm going to charge the battery. (C) We don't know yet.	(A) Đúng vậy, ông ấy chắc chắn là vậy. (B) Tôi đang định sạc pin. (C) Tôi cũng chưa biết nữa.
---	--

e. Câu hỏi 08 (28.mp3)

Who explained this report to you? (A) Sure, let's meet this afternoon. (B) Mr. Novak did, yesterday. (C) The plane leaves at two.	Ai đã giải thích báo cáo này cho bạn? (A) Chắc chắn rồi, chúng ta hãy gặp nhau vào chiều nay. (B) Là ông Novak, hồi hôm qua. (C) Máy bay cất cánh lúc 2 giờ.
---	--

f. Câu hỏi 09 (29.mp3)

Did you hear who's going to take over the manager's position? (A) Near the window. (B) It isn't loud enough. (C) Yes, Mr. Liu, from Hong Kong.	Bạn đã có nghe tin ai sẽ tiếp quản vị trí quản lý chưa? (A) Gần cửa sổ. (B) Âm thanh chưa đủ lớn. (C) Có, là ông Liu, đến từ Hồng Kông.
--	---

g. Câu hỏi 10 (30.mp3)

Do you know who was hired as the new program director? (A) It hasn't been decided yet. (B) No, he didn't direct the show. (C) I think Ms. Shin likes that program.	Bạn có biết ai đã được tuyển làm giám đốc mới của chương trình không? (A) Việc đó chưa được quyết định. (B) Không, anh ấy không chỉ đạo buổi diễn. (C) Tôi nghĩ cô Shin thích chương trình đó.
--	--

III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHAT (CÂU HỎI CÁI GÌ)

1. Các cấu trúc câu hỏi và câu trả lời tương ứng

- What time...? - Hỏi về giờ → Phương án đúng có chứa từ chỉ thời điểm.
- What kind of...? - Hỏi về loại nào → Phương án đúng có chứa từ chỉ một loại đối tượng nào đó
- What color...? - Hỏi về màu sắc → Phương án đúng sẽ chứa từ chỉ màu sắc
- What should/ did + S + V...? – Hỏi về hành động → Phương án đúng sẽ chứa động từ chỉ hành động
- Whatmade of? – Hỏi về chất liệu làm → Phương án đúng sẽ chứa từ chỉ chất liệu

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

- What is the best way to?/ what is the fastest way to? – Phương tiện nào là tốt nhất/ phương tiện nào là nhanh nhất? → Phương án đúng sẽ chứa tên một loại phương tiện (subway, highway, plane, train, bus,...)
- What's the price/what's final offer = How much? – Hỏi về giá cả → Phương án đúng sẽ chứa từ chỉ giá cả
- What do/did you think = what is/was your opinion? – Hỏi về ý kiến → Phương án đúng sẽ nêu ra ý kiến.

2. Các phương án có thể đúng nữa là

- It hasn't decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi k chắc chắn đâu
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai.
- Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (31.mp3)

What's on the menu today? (A) At 12:30 P.M. (B) Various pasta dishes. (C) A window seat would be nice.	Thực đơn hôm nay có gì? (A) Vào lúc 12 giờ 30 trưa. (B) Nhiều món mì Ý khác nhau. (C) Một chỗ ngồi gần cửa sổ thì tốt.
--	--

b. Câu hỏi 02 (32.mp3)

What time does the pharmacy close this evening? (A) Yes, if you have time. (B) Actually, it's already closed. (C) Across from the café.	Tối nay hiệu thuốc đóng cửa lúc mấy giờ? (A) Đúng vậy, nếu bạn có thời gian. (B) Thật ra, nó đã đóng cửa rồi. (C) Đối diện quán cà phê.
---	---

c. Câu hỏi 03 (33.mp3)

What did you like about the factory tour?	Bạn thích gì về chuyến tham quan nhà máy?
---	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(A) Yes, everyone in our group did. (B) At a clothing manufacturer. (C) Our guide was very knowledgeable.	(A) Phải, mọi người trong nhóm đều đã làm. (B) Tại một nhà sản xuất quần áo. (C) Hướng dẫn viên của chúng tôi rất am hiểu.
--	---

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (34.mp3)

What do you think of the jacket? (A) It's too small. (B) The leather one. (C) At a department store.	Bạn nghĩ sao về chiếc áo khoác? (A) Nó quá nhỏ. (B) Cái làm bằng da. (C) Tại một cửa hàng bách hoá.
--	---

b. Câu hỏi 05 (35.mp3)

What time is the bus departing? (A) In 8 minutes. (B) Our summer vacation. (C) Just 12 pesos.	Xe buýt khởi hành lúc mấy giờ? (A) 8 phút nữa. (B) Kỳ nghỉ hè của chúng tôi. (C) Chỉ 12 Pê-sô
---	---

c. Câu hỏi 06 (36.mp3)

What's your opinion of the new servers? (A) They seem pretty reliable. (B) Sorry, we can't afford that. (C) I'd like to order soon.	Bạn nghĩ sao về những người phục vụ mới? (A) Họ có vẻ khá là đáng tin cậy. (B) Xin lỗi, chúng tôi không đủ khả năng chi trả. (C) Tôi muốn gọi món sớm.
---	--

d. Câu hỏi 07 (37.mp3)

What do you know about the Wellington Academy? (A) It's very prestigious. (B) Quite frequently. (C) In East London.	Bạn biết gì về học viện Wellington? (A) Nó rất có uy tín. (B) Khá là đều đặn. (C) Ở phía Đông Luân Đôn.
---	---

e. Câu hỏi 08 (38.mp3)

What will you bring to Doug's house-warming party? (A) We had a wonderful time. (B) Actually, I can't attend. (C) He began warming up.	Bạn sẽ mang gì đến bữa tiệc ấm cúng tại nhà của Doug? (A) Chúng tôi đã có thời gian tuyệt vời. (B) Thật ra, tôi không thể tham dự. (C) Anh ấy đã bắt đầu ấm lên.
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

f. Câu hỏi 09 (39.mp3)

What are you planning to do this weekend? (A) See a movie. (B) Probably on Saturday. (C) Okay, I'll do that.	Bạn dự định làm gì vào cuối tuần này? (A) Đi xem một bộ phim. (B) Có lẽ là vào thứ Bảy. (C) Được, tôi sẽ làm việc đó.
---	--

g. Câu hỏi 10 (40.mp3)

What time is the delivery expected to arrive? (A) Let me check. (B) She ordered it last Friday. (C) Yes, it will.	Mấy giờ thì việc giao hàng sẽ đến? (A) Để tôi kiểm tra xem. (B) Cô ấy đã đặt mua nó thứ Sáu tuần trước. (C) Đúng vậy, nó sẽ.
--	---

V. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm who, what

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D

11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D
18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D

21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D

UNIT 3: CÂU HỎI WHY, HOW

I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHY (CÂU HỎI TẠI SAO)

1. Các hình thức của câu hỏi Why

- Why + trợ động từ + S + V? → Hỏi lí do
- Why don't you/we + S + V? → Đây dạng câu thể hiện sự đề nghị

2. Các phương án đúng có thể là

- Đối với câu hỏi lí do, các phương án đúng có thể là:
 - + To V: để làm gì
 - + Maybe, probably...: có thể...
 - + Giới từ chỉ lí do: Due to / Because of / Owing to / Thanks to / On account of + N: vì, do, bởi
 - + Liên từ chỉ lí do: Because / Since / As / Now that + S + V: vì, do, bởi
- Đối với câu thể hiện đề nghị, các phương án có thể đúng là:
 - + That's a good/great/wonderful idea: đó là một ý tưởng hay, tuyệt vời.
 - + Các phương án có chứa Yes hoặc No/câu hỏi cũng có thể là phương án đúng đối với loại câu hỏi này.
- It hasn't decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi không chắc chắn đâu
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Đối với câu hỏi mang tính chất hỏi lí do thì các phương án trả lời bằng Yes hoặc No đều là phương án sai. Chúng chỉ có thể đúng với câu hỏi mang tính chất đề nghị.
- Các phương án trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (41.mp3)

Why has the traffic stopped moving? (A) Maybe there's some road construction. (B) Yes, I'd love to see a movie. (C) No thanks, I can take the train.	Tại sao các phương tiện giao thông lại dừng lại? (A) Có thể do việc xây dựng đường sá. (B) Đúng vậy, tôi muốn đi xem một bộ phim.
---	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

	(C) Không, cảm ơn, tôi có thể đi tàu.
--	---------------------------------------

b. Câu hỏi 02 (42.mp3)

Why is the store closed so early today? (A) No, it isn't very close. (B) Yes, I got up at six today. (C) It's a national holiday.	Tại sao cửa hàng hôm nay lại đóng cửa sớm quá vậy? (A) Không, nó không gần lắm đâu. (B) Đúng, hôm nay tôi đã dậy lúc 6 giờ. (C) Nó là một ngày quốc lễ.
---	---

c. Câu hỏi 03 (43.mp3)

Why wasn't Mr. Davis at the meeting? (A) He's out of town. (B) Conference room B. (C) At three o'clock.	Tại sao ông Davis không có mặt ở cuộc họp? (A) Ông ấy đang ở ngoại thành. (B) Phòng hội nghị B. (C) Vào lúc 3 giờ.
---	--

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (44.mp3)

Why is Ms. Suzuki moving to South America? (A) I didn't know you were moving. (B) She's transferring to a new office. (C) The plane arrives at nine.	Tại sao cô Suzuki lại chuyển đến Nam Mỹ? (A) Tôi đã không biết bạn chuyển đi. (B) Cô ấy sẽ chuyển đến văn phòng mới. (C) Máy bay hạ cánh lúc 9 giờ.
--	---

b. Câu hỏi 05 (45.mp3)

Why did you work so late last night? (A) In one hour. (B) We had a long meeting. (C) Until next week.	Tại sao hôm qua bạn lại làm việc trễ quá vậy? (A) Trong 1 tiếng nữa. (B) Chúng tôi đã có một cuộc họp dài. (C) Cho đến tuần sau.
---	--

c. Câu hỏi 06 (46.mp3)

Why did Mrs. Chang leave early? (A) She had a doctor's appointment. (B) About thirty minutes ago. (C) She's usually on time.	Tại sao bà Chang lại rời đi sớm vậy? (A) Bà ấy có cuộc hẹn với bác sĩ. (B) Khoảng 30 phút trước. (C) Cô ấy thường xuyên đúng giờ.
--	---

d. Câu hỏi 07 (47.mp3)

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

Do you know why the picnic was canceled? (A) Can you meet me in an hour? (B) I picked up my car yesterday. (C) Probably because of rain.	Bạn có biết tại sao buổi dã ngoại bị hủy không? (A) Bạn có thể gặp tôi trong 1 giờ nữa không? (B) Tôi đã lấy xe hơi của tôi hôm qua. (C) Có lẽ là do trời mưa.
--	--

e. Câu hỏi 08 (48.mp3)

Why don't you join us for dinner tonight? (A) No, they haven't yet. (B) Thanks, but I have other plans. (C) To attach some new parts.	Bạn có muốn ăn tối cùng chúng tôi tối nay không? (A) Không, họ chưa làm. (B) Cảm ơn bạn, nhưng tôi có kế hoạch khác rồi. (C) Để gắn một vài bộ phận mới.
---	--

f. Câu hỏi 09 (49.mp3)

Why don't you come to the beach with us? (A) I don't eat peaches. (B) Yes, he arrived today. (C) Sure. When are you leaving?	Bạn có muốn đi biển cùng chúng tôi không? (A) Tôi không ăn quả đào. (B) Đúng vậy, hôm nay anh ấy đã đến. (C) Chắc chắn rồi. Khi nào thì các bạn đi?
--	---

g. Câu hỏi 10 (50.mp3)

Why was the schedule changed? (A) Because Mr. Wayne couldn't be here then. (B) I'll schedule an appointment. (C) Sorry, I don't have any.	Tại sao lịch trình lại bị thay đổi? (A) Do ông Wayne không thể ở đây vào lúc đó. (B) Tôi sẽ xếp lịch một cuộc hẹn. (C) Xin lỗi, tôi không có cái nào.
---	---

III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI HOW (CÂU HỎI CÁCH THỨC)

1. Các cấu trúc câu hỏi và câu trả lời tương ứng

- How much + be + ...? – Câu hỏi về giá cả → Phương án đúng có chứa từ chỉ giá cả
- How much + do/does/did + ... + cost? – Câu hỏi về giá cả → Phương án đúng có chứa từ chỉ giá cả
- How much + N? – Hỏi lượng bao nhiêu của một cái gì đó → Phương án đúng có chứa từ chỉ lượng
- How many + N? Hỏi về số lượng → Phương án đúng có chứa từ chỉ số lượng.

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

- How + trợ động từ + S + V...? – Hỏi cách thức làm như thế nào → Phương án đúng có chứa từ chỉ hành động phù hợp.
- How + động từ chỉ sự di chuyển (get/come/arrive/move/travel...)? – Hỏi phương tiện di chuyển → Phương án đúng có chứa từ chỉ phương tiện đi lại.
- How do/did you feel? – Hỏi về cảm nhận, ý kiến → Phương án đúng có chứa từ chỉ ý kiến.
- How far...? – Hỏi khoảng cách bao xa → Phương án đúng có chứa từ chỉ khoảng cách.
- How long...? – Hỏi hành động kéo dài trong thời gian bao lâu → Phương án đúng có chứa từ chỉ một khoảng thời gian hoặc “for, over, more/less than...” + khoảng thời gian
- How often...? – Hỏi tần suất → Phương án đúng có chứa từ chỉ tần suất.
- How soon/late = When...? – Hỏi thời điểm → Câu trả lời có chứa từ chỉ thời điểm.
- How long + book/magazine/ newspaper/ novel? – Hỏi số lượng trang của một loại sách nào đó → Phương án đúng có chứa từ chỉ số trang.
- How about + Ving...? – Dạng câu đưa ra đề nghị, đề xuất → Các phương án trả lời đúng có thể là:
 - + That’s a good/great/wonderful idea: đó là một ý tưởng hay, tuyệt vời.
 - + I (don’t) think that’s a good/great/wonderful idea: tôi (không) nghĩ đó là một ý tưởng hay, tuyệt vời.
 - + Các phương án có chứa Yes hoặc No/câu hỏi cũng có thể là phương án đúng đối với loại câu hỏi này.

2. Các phương án có thể đúng nữa là

- It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I’m not sure...: tôi k chắc chắn đâu
- I don’t know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai.
- Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (51.mp3)

How will you get to the restaurant tonight?	Bạn sẽ đến nhà hàng bằng cách nào?
(A) I’ll take the bus.	(A) Tôi sẽ bắt xe buýt.
(B) No later than seven o’clock.	(B) Không muộn hơn 7 giờ.

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(C) I think I'll rest a while.	(C) Tôi nghĩ tôi sẽ nghỉ ngơi một lát.
--------------------------------	--

b. Câu hỏi 02 (52.mp3)

How long will it be before we get to the theater? (A) It's three meters long. (B) About fifteen minutes or so. (C) No, not by bus.	Sẽ mất bao lâu trước khi chúng ta đến rạp? (A) Nó dài 3 mét. (B) Khoảng 15 phút. (C) Không, không phải bằng xe buýt.
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

c. Câu hỏi 03 (53.mp3)

Do you know how often the bus comes? (A) No, he doesn't come here often. (B) The bus came in this morning. (C) About every 30 minutes.	Bạn có biết tần suất xe buýt đến đây không? (A) Không, anh ấy không đến đây thường xuyên. (B) Chiếc hộp đã đến đây vào sáng nay. (C) Khoảng 30 phút 1 chuyến.
--	---

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (54.mp3)

How late is the gymnasium open? (A) I'm not late. (B) It closes at eight. (C) No, that's OK.	Phòng tập gym mở cửa đến mấy giờ? (A) Tôi không đến trễ. (B) Nó đóng cửa lúc 8 giờ. (C) Không, vậy thôi là đủ.
--	--

b. Câu hỏi 05 (55.mp3)

Do you know how to get to the movie theater? (A) I'm sorry I wasn't able to go with you. (B) That movie was excellent. (C) The 504 bus goes straight there.	Bạn có biết làm cách nào để đến rạp chiếu phim không? (A) Tôi xin lỗi, tôi đã không thể đi cùng bạn. (B) Bộ phim đó thật là hay. (C) Xe buýt 504 đi thẳng đến đó.
---	---

c. Câu hỏi 06 (56.mp3)

How should we celebrate Jennifer's retirement? (A) More than twenty years. (B) Let's throw her a party. (C) She's very tired.	Chúng ta nên làm gì để kỉ niệm việc nghỉ hưu của Jennifer? (A) Hơn 20 năm. (B) Chúng ta hãy tổ chức cho cô ấy 1 bữa tiệc. (C) Cô ấy rất mệt.
---	--

d. Câu hỏi 07 (57.mp3)

How much does a museum ticket cost? (A) It's ten euros. (B) It's not far. (C) By one o'clock.	Một vé vào bảo tàng có giá bao nhiêu? (A) 10 Euro (B) Nó không xa đâu. (C) Trước 1 giờ.
---	---

e. Câu hỏi 08 (58.mp3)

How long can you park here? (A) I walk there every day.	Bạn có thể đậu ở đây trong bao lâu? (A) Tôi đi bộ đến đó hằng ngày.
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(B) Only for an hour. (C) In the park.	(B) Chỉ trong 1 tiếng thôi. (C) Trong công viên.
--	--

f. Câu hỏi 09 (59.mp3)

How did you learn of this position at Norman Press? (A) I read about it in the newspaper. (B) I'm still learning how. (C) It opens at 9:00 A.M.	Làm thế nào mà bạn biết tin về vị trí này tại Norman Press? (A) Tôi đã đọc nó trên báo. (B) Tôi vẫn đang học cách. (C) Nó mở cửa lúc 9 giờ.
---	---

g. Câu hỏi 10 (60.mp3)

How big is the meeting room? (A) Big enough for thirty people. (B) On the tenth floor. (C) Yes, it should be.	Phòng họp rộng tới mức nào? (A) Đủ rộng cho 30 người. (B) Ở tầng 10. (C) Đúng vậy, nó nên như vậy.
---	--

V. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm why, how

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D

11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D
18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D

21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D

UNIT 4: CÂU HỎI YES-NO, CÂU HỎI ĐUÔI

I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI YES-NO

1. Các hình thức của câu hỏi Yes-No

- Be (am/is/are) (+ not) + S + V-ing/V-ed/Adj/Prep
- Do (do/does/did) (+ not) + S + V
- Have (have/has/had) (+ not) + S + V-ed
- Will/would/can/could/should (+ not) + S + V

2. Các phương án đúng có thể là

- Câu trả lời Yes/No và nội dung phía sau phù hợp với câu hỏi.
- Các trạng từ diễn tả sự chắc chắn: sure, absolutely, definitely, actually.
- Các câu trần thuật trả lời thẳng nội dung trong câu hỏi mà không cần Yes/No.
- Các câu hỏi Yes/No bắt đầu bằng các động từ khiếm khuyết thường có ý diễn tả sự đề nghị, yêu cầu, lời mời. Những câu hỏi như vậy có thể trả lời bằng các hình thức sau:
 - + Sure / Ok / Sorry.
 - + That sounds good / That's fine.
 - + I'd love to / be happy to / be glad to / appreciate it.
 - + No problem / Not at all.
 - + I'll handle it.
- It hasn't decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi không chắc chắn đâu
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.
- Các câu trả lời có giới từ + danh từ chỉ địa điểm/thời gian thường là phương án sai (vì chúng trả lời cho câu hỏi Where/When).

II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (61.mp3)

Did you go shopping last weekend? (A) That one comes first.	Cuối tuần trước bạn có đi mua sắm không? (A) Cái đó thì đến đầu tiên.
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(B) No, I didn't have time. (C) They're quite friendly.	(B) Không, tôi không có thời gian. (C) Họ khá là thân thiện.
--	---

b. Câu hỏi 02 (62.mp3)

Can you call me back before five P.M.? (A) Yes, no problem. (B) There are only four. (C) It's in the back.	Bạn có thể gọi lại cho tôi lúc 6 giờ chiều không? (A) Được, không thành vấn đề. (B) Chỉ có bốn cái. (C) Nó nằm ở đằng sau.
---	---

c. Câu hỏi 03 (63.mp3)

Hasn't it stop raining yet? (A) No, I can't. (B) Yes, it has. (C) Sure, why not?	Trời đã tạnh mưa chưa vậy? (A) Không, tôi không thể. (B) Rồi, trời đã tạnh. (C) Chắc chắn rồi, tại sao lại không?
---	--

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (64.mp3)

Have the catalogs arrived yet? (A) No, they can't drive. (B) Yes, they're on your desk. (C) I can't log on today.	Bảng danh mục đã đến đây chưa? (A) Không, họ không thể lái xe. (B) Rồi, chúng ở trên bàn của bạn. (C) Tôi không thể đăng nhập hôm nay.
--	---

b. Câu hỏi 05 (65.mp3)

Jane, do you ride to work with anyone? (A) Thank you for that advice. (B) I asked my assistant to finish it. (C) Yes, with Cindy from the shipping department.	Jane, bạn có đi làm chung với ai không? (A) Cảm ơn bạn về lời khuyên. (B) Tôi đã yêu cầu trợ lý của tôi hoàn thành nó. (C) Có, với Cindy ở bộ phận giao hàng.
---	--

c. Câu hỏi 06 (66.mp3)

Could you get me three copies of the contract? (A) The number is 555-4326 (B) Sorry, we don't have coffee. (C) Sure, I'll bring them to your office.	Bạn có thể gửi cho tôi 3 bản sao hợp đồng không? (A) Số là 555-4326. (B) Xin lỗi, chúng tôi không có cà phê. (C) Được, tôi sẽ mang chúng đến văn phòng của bạn.
---	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

d. Câu hỏi 07 (67.mp3)

Can you pick up a newspaper for me while you're at the store? (A) Which one do you want? (B) The printer's out of paper. (C) I'll answer the door.	Bạn có thể mua giúp tôi một tờ báo trong lúc bạn ở cửa hàng không? (A) Bạn muốn tờ báo nào? (B) Máy in đã hết giấy. (C) Tôi sẽ ra mở cửa.
--	---

e. Câu hỏi 08 (68.mp3)

Isn't there a shortcut to the airport? (A) It's a round-trip ticket. (B) Yes, I cut my hair shorter. (C) No, this is the only way.	Có đường tắt đến sân bay không? (A) Nó là vé khứ hồi. (B) Đúng vậy, tôi đã cắt tóc mình ngắn hơn. (C) Không, đây là con đường duy nhất.
--	---

f. Câu hỏi 09 (69.mp3)

Could you give me a ride to the airport? (A) No, I didn't give him any. (B) Sure, what time is your flight? (C) About twenty minutes.	Bạn có thể cho tôi quá giang đến sân bay được không? (A) Không, tôi không đưa anh ấy cái gì cả. (B) Chắc chắn rồi, chuyến bay của bạn khởi hành lúc mấy giờ? (C) Khoảng 20 phút.
---	--

g. Câu hỏi 10 (70.mp3)

Didn't you go to a musical last night? (A) I'll mail it in the morning. (B) There's the music store. (C) Yes, I went with a friend.	Bạn có đến buổi diễn âm nhạc tối qua không? (A) Tôi sẽ gửi nó qua mail vào sáng nay. (B) Có một cửa hàng âm nhạc. (C) Có, tôi đã đi cùng một người bạn.
---	---

III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI ĐUÔI

1. Khái niệm

- Câu hỏi đuôi là dạng câu có hình thức dùng để hỏi được gắn vào đuôi của câu trần thuật khẳng định hoặc phủ định.
- Về mặt ý nghĩa hỏi, thì câu hỏi đuôi giống câu hỏi Yes-No. Vì thế câu trả lời có thể tương tự như câu trả lời của câu hỏi Yes-No.
- Nếu phía trước là câu khẳng định, thì câu hỏi đuôi sẽ ở dạng phủ định và ngược lại.
- Chủ ngữ trong câu hỏi đuôi sẽ tương ứng với chủ ngữ trong câu trần thuật phía trước.

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

- Khác với những câu hỏi thông thường đều có hình thức dùng để hỏi nằm ở đầu câu (Who, When, Where, What, Why, How...).

2. Các hình thức của câu hỏi đuôi

- a. Nếu trong mệnh đề phía trước có trợ động từ thường (be/do/have) hoặc “be” làm động từ chính, thì câu hỏi đuôi sẽ lặp lại trợ động từ đó hoặc lặp lại động từ chính “be”.

VD1: You **haven't** seen Mary today, **have** you?

VD2: You **are** writing the report, **aren't** you?

- b. Nếu trong mệnh đề phía trước có trợ động từ tình thái (động từ khiếm khuyết) thì câu hỏi đuôi sẽ lặp lại trợ động từ tình thái đó.

VD1: The children **can** swim, **can't** they?

VD2: Mary **will** be here soon, **won't** she?

- c. Nếu trong mệnh đề phía trước không có trợ động từ, tức là lúc này câu được chia ở thì hiện tại đơn hoặc quá khứ đơn dạng khẳng định, thì ta dùng các trợ động từ thường tương ứng với thì và ngôi cũng như số lượng của chủ ngữ.

VD1: You **live** near here, **don't** you?

→ Câu trần thuật được chia ở thì hiện tại đơn, chủ ngữ là “you”. Vậy ta dùng trợ động từ phù hợp là “do”.

VD2: Karen **plays** the piano, **doesn't** she?

→ Câu trần thuật được chia ở thì hiện tại đơn, chủ ngữ là “Karen”. Vậy ta dùng trợ động từ phù hợp là “does”, đại từ thay thế phù hợp là “she”.

VD3: Tom and Jerry **locked** the door, **didn't** they?

→ Câu trần thuật được chia ở thì quá khứ đơn, chủ ngữ là “Tom and Jerry”. Vậy ta dùng trợ động từ phù hợp là “did”, đại từ thay thế phù hợp là “they”.

2. Cách trả lời câu hỏi đuôi

- Câu trả lời Yes có nghĩa là hình thức câu trần thuật khẳng định là đúng. Câu trả lời No có nghĩa là hình thức câu trần thuật phủ định là đúng. Bất kể câu hỏi đuôi ở hình thức khẳng định hay phủ định.

VD1: Claire is married, isn't she?

- **Yes** (= she is married), last month.

- **No** (= she isn't married), but she will get married next month.

VD2: Andrew hasn't got many friends, has he?

- **Yes** (= Andrew has got many friends), because he's a friendly and open man.

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

- **No** (= Andrew hasn't got many friends), because he's reserved.

- It hasn't decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi k chắc chắn đâu
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.
- Các câu trả lời Yes/No nhưng về phía sau không đúng nội dung Yes/No tương ứng.

IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (71.mp3)

He's in the customer service department, isn't he? (A) OK, I'll tell him "no". (B) It isn't very big. (C) No, in the sales department.	Anh ấy ở bộ phận dịch vụ khách hàng phải không? (A) Được, tôi sẽ nói với anh ấy là "không". (B) Nó không lớn lắm. (C) Không, ở bộ phận bán hàng.
--	--

a. Câu hỏi 02 (72.mp3)

Mr. Thompson likes Italian food, doesn't he? (A) It's his favorite. (B) An Italian car. (C) No, I don't own any.	Ông Thompson thích đồ ăn Ý phải không? (A) Nó là loại yêu thích của ông ấy. (B) Một chiếc xe hơi của Ý. (C) Không, tôi không có cái nào cả.
--	---

b. Câu hỏi 03 (73.mp3)

You'll make the reservation for this evening, won't you? (A) I've already made one. (B) No, I won't be late. (C) Near the front, please.	Bạn sẽ đặt chỗ cho buổi tối nay phải không? (A) Tôi đã đặt một chỗ rồi. (B) Không, tôi sẽ không đến trễ. (C) Gần phía trước, làm ơn.
--	--

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (74.mp3)

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

<p>The food in the cafeteria has improved a lot this year, hasn't it?</p> <p>(A) I'll take at least two. (B) He proved it was true. (C) I really haven't noticed.</p>	<p>Đồ ăn ở quán ăn tự phục vụ đã được cải thiện trong năm nay phải không?</p> <p>(A) Tôi sẽ lấy ít nhất 2 cái. (B) Anh ấy đã chứng minh nó là đúng. (C) Thật ra tôi cũng không để ý lắm.</p>
--	---

b. Câu hỏi 05 (75.mp3)

<p>Rita canceled our newspaper subscription, didn't she?</p> <p>(A) Yes, I have it delivered. (B) No, she's going to do it tomorrow. (C) You should take it with meals.</p>	<p>Rita đã hủy đăng kí báo dài hạn của chúng ta phải không?</p> <p>(A) Phải, tôi đã nhờ người giao hàng nó. (B) Không, cô ấy định hủy nó vào ngày mai. (C) Bạn nên dùng nó trong các bữa ăn.</p>
--	---

c. Câu hỏi 06 (76.mp3)

<p>We need to leave for the airport soon, don't we?</p> <p>(A) The week before last. (B) At the port. (C) Yes, in a few minutes.</p>	<p>Chúng ta cần đến sân bay sớm, phải không?</p> <p>(A) Một tuần trước tuần cuối cùng. (B) Tại cổng. (C) Đúng vậy, trong một vài phút nữa.</p>
---	---

d. Câu hỏi 07 (77.mp3)

<p>It's cold in here, isn't it?</p> <p>(A) Yes, could you close the window? (B) No, I didn't call you. (C) Yes, I could do that.</p>	<p>Thời tiết trong đây lạnh phải không?</p> <p>(A) Đúng vậy, bạn có thể đóng cửa sổ được không? (B) Không, tôi đã không gọi cho bạn. (C) Đúng vậy, tôi có thể làm việc đó.</p>
---	---

e. Câu hỏi 08 (78.mp3)

<p>Ron's last day at work is Friday, isn't it?</p> <p>(A) Every Friday at ten. (B) I don't really know. (C) No, it's not working.</p>	<p>Ngày làm việc cuối cùng của Ron là thứ Sáu phải không?</p> <p>(A) Mỗi thứ Sáu lúc 10 giờ. (B) Thật sự tôi không biết. (C) Không, nó không hoạt động.</p>
--	--

f. Câu hỏi 09 (79.mp3)

<p>That's not today's newspaper, is it?</p> <p>(A) Yes, I bought it this morning.</p>	<p>Đó là tờ báo hôm nay phải không?</p> <p>(A) Phải, tôi đã mua nó sáng nay.</p>
--	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(B) It's very hot today. (C) OK, I won't.	(B) Trời hôm nay nóng quá. (C) Được, tôi sẽ không làm.
--	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

g. Câu hỏi 10 (80.mp3)

We really need to buy a new copy machine, don't you think? (A) Fifty cents a cup. (B) No, this one works fine. (C) There's a copy on my desk.	Chúng ta thật sự cần mua một máy photo mới, bạn có nghĩ vậy không? (A) 50 cent một cốc. (B) Không, cái này chạy ổn mà. (C) Có một bản sao trên bàn của tôi.
---	---

V. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm câu hỏi Yes-No, câu hỏi đuôi

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D

11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D
18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D

21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D

UNIT 5: CÂU HỎI LỰA CHỌN, CÂU HỎI WHICH

I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI LỰA CHỌN

1. Các hình thức của câu hỏi lựa chọn

- Câu hỏi lựa chọn có hình thức hỏi giống như câu hỏi Yes-No, phần nội dung câu hỏi sẽ được thêm liên từ “or” nối 2 thành phần để lựa chọn.
- Vì câu hỏi lựa chọn có hình thức hỏi gần giống câu hỏi Yes-No, mà câu hỏi Yes-No thì có thể trả lời bằng Yes/No, còn câu hỏi lựa chọn thì không; nên ta phải chú ý nghe kỹ cả nội dung câu hỏi để phân biệt câu hỏi Yes-No hay câu hỏi lựa chọn.

2. Các phương án đúng có thể là

- Câu trả lời có lặp lại một trong 2 sự lựa chọn.
- I prefer...: tôi thích...hơn
- Either is good/fine/ok: một trong 2 cái đều được.
- Neither is good/fine/ok: không cái nào được.
- Both are good/fine/ok: cả 2 đều được.
- The first/second one: cái thứ nhất/thứ hai
- Whichever: tùy cái nào
- It doesn't matter to me: nó không là vấn đề với tôi
- Instead: dùng để đề xuất 1 lựa chọn khác
- It hasn't decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi k chắn chắn đâu
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời Yes/No trong loại câu hỏi này là phương án sai.

II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (81.mp3)

Would you like soup, or do you prefer salad? (A) An extensive menu. (B) Soup would be best. (C) I prefer a booth.	Bạn muốn dùng món canh, hay bạn thích rau trộn hơn? (A) Một thực đơn phong phú. (B) Canh là tốt nhất. (C) Tôi thích một cái bốt hơn.
---	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

b. Câu hỏi 02 (82.mp3)

Would you rather eat out or have something delivered?	Bạn thích ăn ngoài hay đặt thứ gì đó giao đến?
(A) I'll have salmon.	(A) Tôi sẽ ăn cá hồi.
(B) I'd rather visit a restaurant.	(B) Tôi thích đi nhà hàng hơn.
(C) Normally every week.	(C) Thông thường mỗi tuần.

c. Câu hỏi 03 (83.mp3)

Would you like an economy or business class seat?	Bạn thích chỗ ngồi hạng phổ thông hay hạng thương gia?
(A) I'll be away on business.	(A) Tôi sẽ đi công tác xa.
(B) Economy class is fine.	(B) Hạng phổ thông thì ổn rồi.
(C) Let's leave soon.	(C) Chúng ta hãy rời đi sớm.

2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (84.mp3)

Would you like a table inside or outside?	Bạn muốn một bàn trong nhà hay ngoài trời?
(A) It's nicer outside.	(A) Ngoài trời thì đẹp hơn.
(B) He likes gardening.	(B) Anh ấy thích công việc làm vườn.
(C) Leave it on the table.	(C) Hãy để nó trên bàn.

b. Câu hỏi 05 (85.mp3)

Do you want to have lunch delivered or to go to a restaurant today?	Bạn có muốn đặt giao hàng bữa trưa hay là đến ăn nhà hàng hôm nay?
(A) I love pizza, too.	(A) Tôi cũng thích ăn pizza.
(B) Let's order in, since it's raining.	(B) Hãy đặt hàng giao đến, vì trời đang mưa.
(C) I'll do it myself.	(C) Tôi sẽ tự làm nó.

c. Câu hỏi 06 (86.mp3)

Would you like this shirt or a smaller one?	Bạn thích áo sơ mi này hay là cái nhỏ hơn?
(A) Yes, just a little.	(A) Đúng vậy, chỉ một ít thôi.
(B) Is there another caller?	(B) Có người gọi nào khác không?
(C) What sizes do you have?	(C) Bạn có những kích cỡ nào?

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

d. Câu hỏi 07 (87.mp3)

Do you want my home or work phone number? (A) She leaves work at five. (B) It's 52 Broad Street. (C) Whichever one I can reach you at.	Bạn muốn số điện thoại nhà hay số điện thoại công việc của tôi? (A) Cô ấy rời công việc lúc 5 giờ. (B) Nó ở số 52 Phố Broad. (C) Bất cứ số nào mà tôi có thể liên hệ bạn.
--	---

e. Câu hỏi 08 (88.mp3)

Is the new furniture arriving today or tomorrow? (A) I like driving to work. (B) Yes, all the furniture is new. (C) Neither. It's going to arrive next week.	Đồ nội thất mới sẽ đến đây trong hôm nay hay ngày mai? (A) Tôi thích lái xe đi làm. (B) Vâng, tất cả đồ nội thất đều mới. (C) Không cái nào đúng cả. Chúng sẽ đến đây vào tuần sau.
--	---

f. Câu hỏi 09 (89.mp3)

Is Ms. Lee here today or is she still in Japan? (A) Yes, she's from Japan. (B) To visit her family. (C) She'll return on Wednesday.	Cô Lee sẽ ở đây hôm nay hay là cô ấy vẫn ở Nhật Bản? (A) Đúng vậy, cô ấy đến từ Nhật Bản. (B) Để thăm gia đình của cô ấy. (C) Cô ấy sẽ trở về vào thứ Tư.
---	---

g. Câu hỏi 10 (90.mp3)

Are you going to watch the movie or the game? (A) Neither; I'm too tired. (B) Yes, I'll move it here. (C) It's not my watch.	Bạn dự định đi xem phim hay là xem trò chơi? (A) Không cái nào cả; tôi rất mệt. (B) Đúng vậy, tôi sẽ chuyển nó qua đây. (C) Nó không phải là đồng hồ của tôi.
--	---

III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHICH

1. Khái niệm

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

Câu hỏi Which cũng mang hàm ý lựa chọn giữa một nhóm đối tượng mà người hỏi và người nghe đều hiểu. Cấu trúc của câu hỏi Which là:

- Which + N + trợ V/V khiếm khuyết + S + V

2. Các phương án đúng có thể là

- Các phương án có thể đúng với câu hỏi lựa chọn thì cũng đúng với câu hỏi Which.
- Câu trả lời đúng phổ biến nhất cho câu hỏi Which là “the one.../the...one”.
- It hasn't decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận
- Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã
- Check + sth: kiểm tra cái gì
- I'm not sure...: tôi không chắc chắn đâu
- I don't know/I have no idea: tôi không biết

3. Loại các phương án sai

- Các câu trả lời Yes/No trong loại câu hỏi này là phương án sai.

IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe và phân tích

a. Câu hỏi 01 (91.mp3)

Which advertising agency does Pamela work for? (A) The agencies are meeting next week. (B) She's with the Thompson Agency. (C) Does she have an agent?	Pamela làm việc cho đại lý quảng cáo nào? (A) Các đại lý sẽ gặp nhau vào tuần tới. (B) Cô ấy làm việc cho đại lý Thompson. (C) Cô ấy có nhân viên đại lý không?
--	---

b. Câu hỏi 02 (92.mp3)

Which gym do you use? (A) The one near my home. (B) Treadmills mostly. (C) I think its new.	Bạn dùng phòng tập? (A) Cái ở gần nhà tôi. (B) Hầu như là máy chạy bộ. (C) Tôi nghĩ nó mới mở.
---	--

c. Câu hỏi 03 (93.mp3)

Which new employees need new ID card? (A) On April 1. (B) Only the part-timers. (C) For security reasons.	Những nhân viên nào thì cần thẻ ID mới? (A) Vào ngày 1 tháng Tư. (B) Chỉ những nhân viên bán thời gian. (C) Vì lý do an ninh.
---	---

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

2. Nghe & viết các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (94.mp3)

Which of these ties looks best with his pinstripe suit? (A) They filed a suit against him. (B) I can't decide between them. (C) I feel comfortable now.	Cái cà-vạt nào thì trông hợp nhất với bộ com-lê sọc dọc của anh ấy? (A) Họ đã đệ đơn kiện anh ta. (B) Tôi không thể quyết định giữa chúng. (C) Lúc này tôi cảm thấy thoải mái.
---	--

b. Câu hỏi 05 (95.mp3)

Which article should be on the front page? (A) You're very talented. (B) The one about the flood. (C) For a local newspaper.	Bài báo nào nên ở trên trang nhất? (A) Bạn rất có tài năng. (B) Bài báo về lũ lụt. (C) Cho một tờ báo địa phương.
--	---

c. Câu hỏi 06 (96.mp3)

Which speech did you like the best? (A) The one by Mr. Nakata. (B) I can't speak Chinese well. (C) Let's ask her what she prefers.	Bạn thích bài diễn văn nào nhất? (A) Bài diễn văn của ông Nakata. (B) Tôi nói tiếng Trung không tốt. (C) Hãy hỏi cô ấy thích gì.
--	--

d. Câu hỏi 07 (97.mp3)

Which file cabinet has the insurance information? (A) An annual policy, I think. (B) You should take a taxi. (C) The one in the corner.	Tủ hồ sơ nào có thông tin bảo hiểm? (A) Một chính sách hằng năm, tôi nghĩ vậy. (B) Bạn nên bắt một chiếc taxi. (C) Tủ ở góc.
---	--

e. Câu hỏi 08 (98.mp3)

Which applicants should I interview first? (A) No, the other one. (B) For a radio show. (C) The youngest ones.	Tôi nên phỏng vấn những ứng viên nào trước? (A) Không, người còn lại. (B) Cho một chương trình phát thanh. (C) Những người trẻ tuổi nhất.
--	---

f. Câu hỏi 09 (99.mp3)

Which desk is yours? (A) The one against the back wall.	Bàn làm việc nào là của bạn? (A) Bàn ở sát tường phía sau.
---	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(B) Yes, help yourself. (C) I thought it was Jamie's.	(B) Đúng vậy, cứ tự nhiên. (C) Tôi nghĩ nó là của Jamie.
--	---

g. Câu hỏi 10 (100.mp3)

Which department should be billed for the work? (A) I work in shipping and receiving. (B) Yes, there's an error on the bill. (C) It's listed at the top of the form.	Bộ phận nào nên được tính hoá đơn cho công việc này? (A) Tôi làm việc ở bộ phận giao và nhận. (B) Phải, có một lỗi trên hoá đơn. (C) Nó được niêm yết ở phần đầu mẫu đơn.
--	---

V. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm câu hỏi lựa chọn, câu hỏi Which

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D

11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D
18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D

21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D

UNIT 6: CÂU HỎI TRẦN THUẬT, CÂU MỆNH LỆNH

I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI CÓ DẠNG TRẦN THUẬT, CÂU MỆNH LỆNH

1. Các câu hỏi thuộc nhóm này buộc thí sinh phải nghe hiểu toàn bộ nội dung để có thể chọn phương án chính xác.
2. Câu hỏi có dạng câu trần thuật có thể nói về bất kì nội dung nào. Do đó không có hình thức trả lời cụ thể cho dạng câu hỏi này.
3. Một số câu trần thuật mang ý nghĩa đưa ra lời đề nghị “I’d like / I’d + V” thì cũng có thể được trả lời như câu đề nghị đã học trong Câu hỏi Why và Câu hỏi Yes-No.

II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU

1. Nghe & phân tích

a. Câu hỏi 01 (101.mp3)

Excuse me, I need to change my destination from Osaka to Tokyo. (A) The luggage department is upstairs. (B) I don’t need to go there. (C) Let’s see if there are any seats.	Xin lỗi, tôi cần thay đổi điểm đến từ Osaka đổi thành Tokyo. (A) Bộ phận hành lí ở trên lầu. (B) Tôi không cần đến đó. (C) Để tôi xem thử còn chỗ nào không.
---	--

b. Câu hỏi 02 (102.mp3)

Don’t forget to turn off the air conditioner. (A) You can keep going straight. (B) Thanks for reminding me. (C) There’s one in my office.	Đừng quên tắt điều hoà nhé. (A) Bạn có thể tiếp tục đi thẳng. (B) Cảm ơn vì đã nhắc tôi. (C) Có một cái trong văn phòng của tôi.
---	--

c. Câu hỏi 03 (103.mp3)

Let’s share the profits evenly among us. (A) Both halves are even. (B) Their shares rose today. (C) That sounds fair.	Hãy chia đều lợi nhuận trong số chúng ta. (A) Hai nửa thì đều nhau. (B) Cổ phiếu của họ đã tăng hôm nay. (C) Việc đó nghe có vẻ công bằng.
---	--

2. Nghe & viết các phương án trả lời

a. Câu hỏi 04 (104.mp3)

Mr. Johnson seems so busy lately. (A) Why is that? (B) Can he find a new one?	Ông Johnson dạo này có vẻ rất bận rộn. (A) Tại sao lại thế? (B) Ông ấy có thể tìm được người mới không?
--	--

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(C) It was finished early.	(C) Nó đã được hoàn thành sớm.
----------------------------	--------------------------------

b. Câu hỏi 05 (105.mp3)

I'd like to change my appointment time. (A) Sorry, I have no change. (B) The dentist could see you tomorrow. (C) Thanks, I'm glad you like it.	Tôi muốn thay đổi thời gian cuộc hẹn của tôi. (A) Xin lỗi, tôi không có tiền lẻ. (B) Nha sĩ có thể gặp bạn vào ngày mai. (C) Cảm ơn bạn, tôi vui vì bạn thích nó.
--	---

c. Câu hỏi 06 (106.mp3)

I don't believe we've met before. (A) Why don't we leave at three? (B) Yes, I've had it once or twice. (C) No, I don't think we have.	Tôi không tin là chúng ta đã gặp nhau trước đây. (A) Tại sao chúng ta không rời đi lúc 3 giờ? (B) Đúng vậy, tôi đã có nó 1 hoặc 2 lần. (C) Không, tôi không nghĩ là chúng ta đã gặp nhau.
---	---

d. Câu hỏi 07 (107.mp3)

I can help you call clients if you'd like. (A) Oh, I hope she's all right. (B) Yes, I gave one to every client. (C) Thanks. That would help me a lot.	Tôi có thể giúp bạn gọi cho khách hàng nếu bạn muốn. (A)Ồ, tôi hi vọng cô ấy ổn. (B) Vâng, tôi đã đưa 1 cái cho mỗi khách hàng. (C) Cảm ơn bạn. Điều đó sẽ giúp tôi rất nhiều.
---	--

e. Câu hỏi 08 (108.mp3)

My computer won't start. (A) We began at six thirty. (B) Yes, I want to be early. (C) Maybe it's not plugged in.	Máy tính của tôi không khởi động được. (A) Chúng tôi đã bắt đầu lúc 6 giờ 30. (B) Vâng. Tôi muốn đến sớm. (C) Có lẽ nó không được cắm điện.
--	---

f. Câu hỏi 09 (109.mp3)

We'll be having our photos taken at four P.M. (A) Yes, I have. (B) I arrived late. (C) I can't be there then.	Chúng ta sẽ được chụp ảnh vào lúc 4 giờ. (A) Đúng vậy, tôi đã làm thế. (B) Tôi đã đến trễ. (C) Tôi không thể đến đó vào lúc đó.
---	---

g. Câu hỏi 10 (110.mp3)

Please visit me when you come to Milan.	Hãy đến thăm tôi khi bạn đến Milan.
---	-------------------------------------

LE QUOC BAO – TOEIC Listening Comprehension

(A) He's been there before. (B) Yes, a morning flight. (C) I certainly will.	(A) Trước đây anh ấy đã đến đó. (B) Vâng, một chuyến bay buổi sáng. (C) Tôi chắc chắn sẽ đến.
---	--

III. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm câu hỏi trần thuật, câu mệnh lệnh.

1	(A)	(B)	(C)	(D)
2	(A)	(B)	(C)	(D)
3	(A)	(B)	(C)	(D)
4	(A)	(B)	(C)	(D)
5	(A)	(B)	(C)	(D)
6	(A)	(B)	(C)	(D)
7	(A)	(B)	(C)	(D)
8	(A)	(B)	(C)	(D)
9	(A)	(B)	(C)	(D)
10	(A)	(B)	(C)	(D)

11	(A)	(B)	(C)	(D)
12	(A)	(B)	(C)	(D)
13	(A)	(B)	(C)	(D)
14	(A)	(B)	(C)	(D)
15	(A)	(B)	(C)	(D)
16	(A)	(B)	(C)	(D)
17	(A)	(B)	(C)	(D)
18	(A)	(B)	(C)	(D)
19	(A)	(B)	(C)	(D)
20	(A)	(B)	(C)	(D)

21	(A)	(B)	(C)	(D)
22	(A)	(B)	(C)	(D)
23	(A)	(B)	(C)	(D)
24	(A)	(B)	(C)	(D)
25	(A)	(B)	(C)	(D)
26	(A)	(B)	(C)	(D)
27	(A)	(B)	(C)	(D)
28	(A)	(B)	(C)	(D)
29	(A)	(B)	(C)	(D)
30	(A)	(B)	(C)	(D)